

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM ĐỘNG
TỈNH HUNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HSST

Ngày 18.3.2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM ĐỘNG, TỈNH HUNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Ngọc Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Trung Dũng và bà Nguyễn Thị Huế.

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Ngọc Huy - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động tham gia phiên tòa:
ông Nguyễn Tuấn Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số 09/2022/TLST-HS ngày 18/02/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐXXST-HS ngày 04/3/2022 đối với:

Bị cáo **Đặng Văn T**, sinh năm 1992; nơi cư trú: thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 06/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông: Đặng Văn C và bà Hoàng Thị L; vợ: Nguyễn Thị T (đã ly hôn); có 01 con, sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/12/2021, chuyển tạm giam từ ngày 21/12/2021, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên. Có mặt tại phiên tòa.

Người chứng kiến:

+ Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn N, xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

+ Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn B, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

+ Anh Lê Văn C, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn B, thị trấn L, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 20 giờ 30 phút, ngày 17/8/2021, tại sảnh tầng 1 khu cách ly số 2 trong Trung tâm giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên thuộc thôn Lương Hội,

thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên. Tổ công tác đảm bảo an ninh trật tự thuộc Công an huyện Kim Động phối hợp với Ban phụ trách đảm bảo an ninh trật tự khu cách ly số 2 phát hiện người đang thực hiện cách ly là Đặng Văn T có biểu hiện nghi vấn. Khi tổ công tác tiến hành kiểm tra, Đặng Văn T tự nguyện lấy ra trong túi quần soóc bên phải đang mặc 01 túi nilon kích thước (02x03)cm bên trong chứa chất dạng tinh thể màu trắng, T tự khai nhận chất dạng tinh thể màu trắng là ma túy đá, vừa mua để sử dụng. Tổ công tác tiến hành niêm phong gói ma túy của T vào bì thư dán kín theo quy định.

Tại bản kết luận giám định số 251/MT-PC09 ngày 21/8/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hưng Yên kết luận: Mẫu chất dạng tinh thể màu trắng trong niêm phong, có khối lượng là 0,567g, là ma túy, là loại Methamphetamine.

Quá trình điều tra T khai nhận: Ngày 08/8/2021, T đi từ thành phố Hà Nội (được xác định là vùng dịch Covid-19) về nhà nên Ban chỉ đạo phòng chống dịch Covid-19 huyện Kim Động đã có Quyết định đưa T đi cách ly tại khu cách ly số 2 trong Trung tâm giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên thuộc thôn Lương Hội, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên. Do nghiện ma túy nên trước khi từ Hà Nội về, T được một người bạn mới quen tại Hà Nội tên là T1 (không biết tên thật, địa chỉ cụ thể) cho số điện thoại 0972053081 của người tên là H1 và bảo khi nào cần mua ma túy đá thì liên lạc với H1, T ghi số điện thoại trên vào một mảnh giấy rồi giấu trong túi quần. Khi vào khu cách ly, T mang theo mảnh giấy ghi số điện thoại của H1 và số tiền 800.000 đồng, do không có điện thoại nên ngày 13/8/2021 T mượn điện thoại di động của anh Nguyễn Văn H (là người ở cùng phòng trong khu cách ly) gọi đến số thuê bao 0972053081 của H1 hỏi mua 300.000 đồng ma túy đá, H1 đồng ý và mang đến cho T đưa qua hàng rào khu vực cách ly. Đến ngày 17/8/2021, T tiếp tục mượn điện thoại của anh H và gọi vào số thuê bao của H1 ghi trên mảnh giấy hỏi mua 500.000 đồng ma túy đá, H1 đồng ý và hẹn khi nào có ma túy sẽ mang đến, sau đó, T xé mảnh giấy ghi số điện thoại của H1 vứt đi và trả cho anh H điện thoại. Khoảng 20 giờ cùng ngày, H1 gọi lại vào số điện thoại của anh H để gặp T, H1 hẹn T ra hàng rào bên trái khu cách ly lấy ma túy, T đi ra hàng rào ngăn cách cạnh lán để xe trong khu cách ly thì gặp H1, T đưa cho H1 500.000 đồng, H1 cầm tiền rồi đưa cho T 01 túi nilon nhỏ, T kiểm tra bên trong túi nilon là ma túy đá nên cất vào túi quần đang mặc và đi vào đến sảnh tầng 1 trong khu cách ly thì bị kiểm tra phát hiện bắt quả tang. Đặng Văn T đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Đối với người đàn ông tên T1 đã cho số điện thoại của người bán ma túy cho T, do T không biết tên tuổi địa chỉ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Kim Động (dưới đây viết tắt là: Cơ quan điều tra) không có căn cứ xác minh làm rõ để xử lý.

Đối với người đàn ông tên H1 đã bán ma túy cho T, do T không biết tên tuổi, địa chỉ đồng thời khi xác minh số thuê bao 0972053081 mà H1 sử dụng liên lạc với T trong quá trình mua bán ma túy có tên người đăng kí chủ thuê bao là chị Lê Thị N, sinh năm 1985, ở xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình, tuy nhiên, chị N hiện không có mặt tại địa phương, đi đâu làm gì không xác định được nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, xử lý các đối tượng khi có đủ căn cứ.

Đối với anh Nguyễn Văn H đã cho T mượn điện thoại, do anh H không biết mục đích của T mượn điện thoại để liên lạc mua ma túy nên không có căn cứ để xử lý.

Về vật chứng: 01 phong bì niêm phong bên trong có mẫu vật hoàn trả sau giám định.

Cáo trạng số 10/CT-VKSKĐ ngày 18/02/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động đã truy tố Đặng Văn T về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động trình bày luận tội: giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Đặng Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: bị cáo Đặng Văn T phạm tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Xử phạt bị cáo Đặng Văn T từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 18/12/2021.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng: áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu cho tiêu hủy 0,493 gam ma túy loại Methamphetamine được niêm phong trong phong bì là mẫu vật hoàn lại sau giám định.

- Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra và Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang, Bản kết luận giám định số 251/MT- PC09 ngày 21/8/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hưng Yên, lời khai của những người chứng kiến, người làm chứng, vật chứng đã thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hồi 20 giờ 30 phút ngày 17/8/2021, tại Khu cách ly số 2 Trung tâm giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên thuộc thôn Lương Hội, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Đặng Văn T đã tàng trữ trái phép 0,567 gam ma túy, loại Methamphetammine, nhằm mục đích sử dụng. Hành vi nêu trên của bị cáo T đã có đủ yếu tố cấu thành tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động truy tố bị cáo về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, theo quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Đối với người đàn ông tên T1 đã cho số điện thoại của người bán ma túy cho T, do T không biết tên tuổi địa chỉ nên không có căn cứ xác minh làm rõ để xử lý.

Đối với người đàn ông tên H1 đã bán ma túy cho T, do T không biết tên tuổi, địa chỉ đồng thời khi xác minh số thuê bao 0972053081 mà H1 sử dụng liên lạc với T trong quá trình mua bán ma túy có tên người đăng kí chủ thuê bao là chị Lê Thị N, sinh năm 1985, ở xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình. Tuy nhiên, chị N hiện không có mặt tại địa phương, đi đâu làm gì không xác định được nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, xử lý các đối tượng khi có đủ căn cứ là đúng quy định của pháp luật.

Đối với anh Nguyễn Văn H đã cho T mượn điện thoại, do anh H không biết mục đích của T mượn điện thoại để liên lạc mua ma túy nên không xử lý là đúng quy định của pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người đã thành niên nhận thức rất rõ việc sử dụng ma túy sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe của con người, là nguyên nhân gây ra những tệ nạn xã hội khác và hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm các quy định của Nhà nước về chế độ quản lý các chất ma túy đe dọa nghiêm trọng đến trật tự công cộng, gây tâm lý lo lắng trong nhân dân và gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương nhưng bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đồng thời để làm bài học ngăn ngừa tội phạm chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là: Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, mặc dù bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nhưng không coi bị cáo là người có nhân thân tốt. Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú để phòng dịch Covid-19 nhưng bị cáo không chấp hành đúng quy định, đã lợi dụng khi đang được tại ngoại để trốn khỏi địa phương gây khó khăn trong công tác điều tra. Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự quy định: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Xét thấy, bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, là lao động tự do thu nhập không ổn định và không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: gam ma túy loại Methamphetamine được niêm phong trong phong bì là mẫu vật hoàn lại sau giám định là vật Nhà nước cấm lưu hành nên sẽ tịch thu cho tiêu hủy.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: bị cáo Đặng Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: bị cáo Đặng Văn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tính từ ngày tạm giữ 18/12/2021.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu cho tiêu hủy 0,493 gam ma túy loại Methamphetamine được niêm phong trong phong bì là mẫu vật hoàn lại sau giám định.

(Tình trạng, đặc điểm vật chứng nêu trên được thể hiện theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 03/3/2022 giữa Công an huyện Kim Động và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Động).

Về án phí: căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh (Phòng KTNV & THA);
- VKSND huyện;
- Cơ quan điều tra và bộ phận HSNV Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Oanh